SỞ Y TẾ HÀ GIANG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

Số: 1642/QĐ-BV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Giang, ngày 30 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh sách Công chức, viên chức có nghĩa vụ kê khai minh bạch tài sản, thu nhập năm 2020

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 37/2007/NĐ-CP về minh bạch tài sản, thu nhập;

Căn cứ Thông tư 08/2013/TT-TTCP, ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản;

Căn cứ Quyết định số 615/QĐ-SYT, ngày 27/8/2020 của Sở Y tế Hà Giang về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Đa khoa tỉnh trực thuộc Sở Y tế tỉnh Hà Giang;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách Công chức, viên chức thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang có nghĩa vụ kê khai minh bạch tài sản, thu nhập năm 2020.

(Danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Trưởng phòng Tổ chức Cán bộ; các khoa, phòng có liên quan và công chức, viên chức có tên trong danh sách tại điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Website Bệnh viện;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ GIANG

Phạm Anh Văn

DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC KÊ KHAI TÀI SẢN NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 1642/QĐ-BV, ngày 30/12/2020 của BVĐK tỉnh Hà Giang)

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Ghi chú
1	Phạm Anh Văn	Giám đốc	
2	Nguyễn Quốc Dũng	Phó Giám đốc	
3	Nguyễn Đức Dũng	Phó Giám đốc	
4	Vũ Hùng Vương	Phó Giám đốc	
5	Đỗ Văn Nghĩa	Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp	
6	Đặng Đức Cường	Trưởng phòng Điều dưỡng	
7	Hoàng Thị Hiên	Phó phòng Điều dưỡng	
8	Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng phòng Vật tư TBYT	
9	Đặng Xuân Quân	Phụ trách Phó phòng Vật tư TBYT	
10	Nguyễn Thị Lan	Trưởng phòng Tổ chức cán bộ	
11	Vũ Thị Hạ	Phụ trách Phó phòng Tổ chức cán bộ	
12	Phạm Thị Kim Quy	Trưởng phòng Hành chính quản trị	
13	Ngô Phạm Hiện	Phụ trách Phó phòng Hành chính quản trị	
14	Đinh Viết Cường	Phó phòng CNTT&TT, PT phòng CNTT	
15	Trần Mạnh Hà	Phó phòng CNTT&TT	
16	Đỗ Thị Kim Thanh	Trưởng phòng Tài chính kế toán	
17	Vũ Thị Huệ	Phó phòng Tài chính kế toán	
18	Nguyễn Văn Trung	Phó phòng Tài chính kế toán	
19	Bùi Thị Thu	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
20	Nguyễn Thị Thuỷ	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
21	Lê Thị Minh Thuý	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
22	Đào Thị Thanh	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
23	Phạm Thị Thu Hằng	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
24	Nguyễn Thị Nguyệt Nga	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
25	Hoàng Thị Sưa	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
26	Đỗ Hoàng Anh	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
27	Nguyễn Thị Thu Linh	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
28	Nguyễn Thu Trang	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
29	Nguyễn Thị Huế	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
30	Trần Thị Uyên	Kế toán - Phòng Tài chính kế toán	
31	Trần Hữu Long	Trưởng khoa Khám bệnh	
32	Dương Thùy Loan	Phụ trách Phó khoa Khám bệnh	
33	Đào Thị Thu Trang	Phụ trách Điều dưỡng Trưởng khoa Khám bệnh	
34	Nguyễn Thị Đỗ Phúc	Phó khoa Mắt	
35	Hoàng Thị Đa	Phụ trách khoa Mắt	
36	Vũ Hải Yến	Điều dưỡng Trưởng khoa Mắt	

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Ghi chú
37	Hà Lan Anh	Phó khoa Răng Hàm Mặt	
38	Nguyễn Thị Thúy Tình	Điều dưỡng Trưởng khoa Răng Hàm Mặt	
39	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Trưởng khoa Tai Mũi Họng	
40	Hoàng Thị Quê	Điều dưỡng Trưởng khoa Tai Mũi Họng	
41	Nguyễn Thị Thu Đông	Trưởng khoa Khám Bệnh TYC	
42	Lê Thị Thư	Phụ trách Điều dưỡng Trưởng khoa Khám Bệnh TYC	
43	Nguyễn Xuân Sơn	Trưởng khoa Cấp Cứu	
44	Nguyễn Thị Minh Tâm	Phó khoa Cấp Cứu	
45	Phan Công Lý	Điều dưỡng Trưởng khoa Cấp Cứu	
46	Trần Văn Học	Trưởng khoa HSTC&CĐ	
47	Trần Văn Hiếu	Phó khoa HSTC&CĐ	
48	Trần Hùng Cường	Điều dưỡng Trưởng khoa HSTC&CĐ	
49	Trịnh Tiến Hùng	Phụ trách khoa Tim mạch Nội tiết	
50	Trần Viễn Dương	Phụ trách Điều dưỡng Trưởng khoa Tim mạch Nội tiết	
51	Nguyễn Việt Thắng	Trưởng khoa Nội Tổng hợp	
52	Lê Thị Kim Ngân	Điều dưỡng Trưởng khoa Nội Tổng hợp	
53	Vũ Ngọc Quyết	Trưởng khoa Ngoại Tổng hợp	
54	Đỗ Trung Kiên	Phó khoa Ngoại Tổng hợp	
55	Phạm Anh Tuấn	Điều dưỡng Trưởng khoa Ngoại Tổng hợp	
56	Lê Văn Lợi	Trưởng khoa Chấn thương Chỉnh hình	
57	Đào Thùy Dương	Phó khoa Chấn thương Chỉnh hình	
58	Ngọc Thanh Phương	Phụ trách Phó khoa Chấn thương Chỉnh hình	
59	Nguyễn Thị Hà	Điều dưỡng Trưởng khoa Chấn thương Chỉnh hình	
60	Đỗ Thị Thuỷ	Trưởng khoa Sản	
61	Sin Thị Huyền	Phó khoa Sản	
62	Đặng Thị Ngân	Điều dưỡng Trưởng khoa Sản	
63	Đỗ Văn Tuyến	Trưởng khoa Phẫu Thuật	
64	Nguyễn Thị Vân Anh	Điều dưỡng Trưởng khoa Phẫu Thuật	
65	Nguyễn Thị Hường	Trưởng khoa A10	
66	Nguyễn Thị Thu Huyền	Phụ trách Điều dưỡng Trưởng khoa A10	
67	Nguyễn Thị Kim Huế	Phụ trách Điều dưỡng Trưởng khoa Thăm dò chức năng	
68	Mai Đức An	Phó khoa Truyền nhiễm	
69	Nguyễn Thị Kim Vân	Phụ trách Điều dưỡng Trưởng khoa Truyền nhiễm	
70	Nguyễn Bá Giang	Trưởng khoa Tâm Thần	
71	Hoàng Thị Lê	Điều dưỡng Trưởng khoa Tâm Thần	
72	Đỗ Thị Đẹp	Trưởng khoa Da Liễu	
73	Lê Thúy Liên	Điều dưỡng Trưởng khoa Da Liễu	
74	Đào Cẩm Lê	Trưởng khoa Phục hồi chức năng	
75	Đỗ Thị Thu Hương	Kỹ thuật viên Trưởng khoa Phục hồi chức năng	

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Ghi chú
76	Lương Cao Đạt	Trưởng khoa Nhi	
77	Nguyễn Thị Minh Trâm	Phó khoa Nhi	
78	Lê Thị Toàn	Phó khoa Nhi	
79	Lê Thị Kim Thoa	Điều dưỡng Trưởng khoa Nhi	
80	Nguyễn Thị Duyên	Trưởng khoa Y học cổ truyền	
81	Trần Thị Tuyết	Điều dưỡng Trưởng khoa Y học cổ truyền	
82	Lê Thu Trang	Phó Khoa Dược	
83	Nguyễn Thị Nhàn	Phụ trách Kỹ thuật viên Trưởng khoa Dược	
84	Viên Thế Du	Bộ phận cung ứng thuốc - Khoa Dược	
85	Xuân Văn Khánh	Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh	
86	Nguyễn Xuân Nghĩa	Phó khoa Chẩn đoán hình ảnh	
87	Phạm Văn Cảnh	Phó khoa Chẩn đoán hình ảnh	
88	Nguyễn Thế Hiệp	Phụ trách Kỹ thuật viên Trưởng khoa Chẩn đoán hình ảnh	
89	Lê Việt Quang	Phụ trách khoa Xét nghiệm	
90	Đặng Thị Nga	Kỹ thuật viên Trưởng khoa Xét nghiệm	
91	Nguyễn Thị Hoài Linh	Phó Khoa Vi Sinh	
92	Bùi Thị Hải Bình	Kỹ thuật viên Trưởng khoa Vi Sinh	
93	Nguyễn Ngọc Lưu	Trưởng khoa Huyết học truyền máu	
94	Nguyễn Thị Hà	Điều dưỡng trưởng khoa Huyết học truyền máu	
95	Đinh Thị Hà	Phụ trách khoa Giải phẫu bệnh	
96	Ma Thị Nhé	Phụ trách Kỹ thuật viên Trưởng khoa Giải phẫu bệnh	
97	Nguyễn Văn Điệp	Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	
98	Hoàng Thị Tuyết	Điều dưỡng Trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	
99	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Phụ trách khoa Lão Khoa	
100	Cam Thị Huệ	Điều dưỡng Trưởng khoa Lão Khoa	
101	Mã Hồng Cầu	Trưởng khoa Ung bướu	
102	Bùi Quang Thái	Phụ trách Phó khoa Ung bướu	
103	Nguyễn Khánh Dũng	Điều dưỡng Trưởng khoa Ung bướu	
104	Bùi Bích Ngọc	Phó Trưởng khoa Dinh dưỡng	
105	Khuất Thị Lệ Quyên	Điều dưỡng Trưởng khoa Dinh dưỡng	

(Ấn định danh sách 105 người)

PHỤ LỤC II

MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

(Kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính Phủ)

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

NĂM:............

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: ....Năm sinh:......................
- Chức vụ/ chức danh công tác: ....
- Cơ quan/ đơn vị công tác: ....
- Hộ khẩu thường trú: ....
- Chỗ ở hiện tại: ....

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: ....Năm sinh:......................
- Chức vụ/ chức danh công tác: ....
- Cơ quan/ đơn vị công tác: ....
- Hộ khẩu thường trú: ....
- Chỗ ở hiện tại: ....

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

a) Con thứ nhất:

- Họ và tên: ....
- Ngày, tháng, năm sinh: ....
- Hộ khẩu thường trú: ....
- Chỗ ở hiện tại: ....

a) Con thứ hai:

- Họ và tên: ....
- Ngày, tháng, năm sinh: ....
- Hộ khẩu thường trú: ....
- Chỗ ở hiện tại: ....

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Nhà ở, công trình xây dựng:

a) Nhà ở:

- Nhà thứ nhất: ....

+ Loại nhà: ....Cấp công trình......................................

+ Diện tích xây dựng: ....

+ Giá trị: ....

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu: ………………………………………………………

+ Thông tin khác (nếu có): ………………………………………………………………

- Nhà thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

b) Công trình xây dựng khác:

- Công trình thứ nhất: ………………………………………………………………

+ Loại công trình: ………………… Cấp công trình…………………………………

+ Diện tích: …………………………………………………………………………

+ Giá trị: ……………………………………………………………………………

+ Giấy chứng nhần quyền sở hữu: ………………………………………………………

+ Thông tin khác (nếu có): ………………………………………………………………

- Công trình thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

2. Quyền sử dụng đất:

a) Đất ở:

- Mảnh thứ nhất: ……………………………………………………………………

+ Địa chỉ: ……………………………………………………………………………

+ Diện tích: …………………………………………………………………………

+ Giá trị: ……………………………………………………………………………

+ Giấy chứng nhần quyền sở dụng: ……………………………………………………

+ Thông tin khác (nếu có): ………………………………………………………………

- Mảnh thứ hai: (Mô tả như mảnh thứ nhất).

b) Các loại đất khác:

- Mảnh thứ nhất: ……………………………………………………………………

+ Địa chỉ: ……………………………………………………………………………

+ Diện tích: …………………………………………………………………………

+ Giá trị: ……………………………………………………………………………

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng: ……………………………………………………

+ Thông tin khác (nếu có): ………………………………………………………………

- Mảnh thứ hai: (Mô tả như mảnh thứ nhất).

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

3. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

4. Ô tô, mô tô, xe gắn máy, xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác), tầu thủy, tầu bay, thuyền và những động sản khác mà Nhà nước quản lý (theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp phép giấy đăng ký) có tổng giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

- Ô tô
- Mô tô
- Xe gắn máy
- Xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác)
- Tầu thủy
- Tầu bay
- Thuyền
- Những động sản khác mà Nhà nước quản lý (theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký)

....

....

....

5. Kim loại quý, đá quý, cổ phiếu, vốn góp vào các cơ sở kinh doanh, các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác có tổng giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.

- Kim loại quý
- Đá quý
- Cổ phiếu
- Vốn góp vào các cơ sở kinh doanh
- Các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác

....

....

6. Các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên (như cây cảnh, bộ bàn ghế, tranh, ảnh, đồ mỹ nghệ và các loại tài sản khác).

....

....

....

7. Tài sản, tài khoản ở nước ngoài gồm tất cả tài sản quy định từ Khoản 1 đến Khoản 6 nói trên nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam.

....

....

....

8. Các khoản nợ gồm: các khoản phải trả, giá trị các tài sản quản lý hộ, giữ hộ có tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.

....

....

....

9. Tổng thu nhập trong năm quy đổi thành tiền Việt Nam gồm các khoản lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác.

....

....

....

III. GIẢI TRÌNH SỰ BIẾN ĐỘNG CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP (Biến động về tài sản, thu nhập, giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm)

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/ giảm	Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản, thu nhập tăng thêm
1. Nhà ở, công trình xây dựng (tăng, giảm về số lượng, diện tích hoặc thay đổi về cấp nhà, công trình so với kỳ kê khai trước đó): a) Nhà ở: b) Công trình xây dựng khác: 2. Quyền sử dụng đất (tăng, giảm về số lượng, diện tích, thay đổi loại đất so với kỳ kê khai trước đó): a) Đất ở: b) Các loại đất khác: 3. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho Vay, tiền gửi cá nhân, tổ chức tỏng nước, tổ chức nước Ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 4. Các loại động sản: - Ô tô - Mô tô - Xe gắn máy - Xe máy (máy ủi, máy xúc, các loại xe máy khác) - Tầu thủy - Tầu bay - Thuyền - Những động sản khác mà Nhà nước quản lý (theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký) 5. Các loại tài sản: - Kim loại quý - Đá quý - Cổ phiếu - Vốn góp vào các cơ sở kinh doanh		

- Các loại giấy tờ có giá trị chuyển nhượng khác có tổng Giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Các loại tài sản khác *(như cây cảnh, bộ bàn ghế, tranh, ảnh, đồ mỹ nghệ và các loại tài sản khác)* mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên. 7. Tài sản, tài khoản ở nước ngoài gồm tất cả tài sản quy định tại Khoản 1 đến Khoản 6 nói trên mằm ngoài lãnh thổ Việt Nam. 8. Các khoản nợ gồm: các khoản phải trả, giá trị các tài sản quản lý hộ, giữ hộ có tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 9. Tổng thu nhập trong năm quy đổi thành tiền Việt Nam		

(Người kê khai tự xác định các loại tài sản tăng, giảm trong kỳ kê khai và giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm).

Ngày nhận Bản kê khai tài sản, thu nhập
………..ngày………tháng……..năm……
Người nhận Bản kê khai
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/ chức danh)

Ngày hoàn thành Bản kê khai tài sản, thu nhập
………..ngày………tháng……..năm…….
Người kê khai tài sản
(Ký, ghi rõ họ tên)